

CÔNG TY TNHH MENTORS14
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MENTORS14

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MENTORS14 COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MENTORS14 CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110780916

3. Ngày thành lập: 11/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 24 ngõ 4 Đặng Văn Ngữ, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942798585

Fax:

Email: haminh.hoang@westminster.edu.vn Website: u.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục + Dịch vụ đưa ra các ý kiến hướng dẫn về giáo dục + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục + Dịch vụ kiểm tra giáo dục + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560(Chính)
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm dạy về tôn giáo; không bao gồm các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
3.	Giáo dục nhà trẻ	8511
4.	Giáo dục mẫu giáo	8512
5.	Giáo dục tiểu học	8521
6.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
7.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
8.	Đào tạo sơ cấp	8531
9.	Đào tạo trung cấp	8532
10.	Đào tạo cao đẳng	8533
11.	Đào tạo đại học	8541
12.	Đào tạo thạc sỹ	8542
13.	Đào tạo tiến sỹ	8543
14.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
15.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ môi giới, đấu giá hàng hóa)	4610
17.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
18.	Bán buôn thực phẩm	4632
19.	Bán buôn đồ uống (Loại trừ đồ uống có cồn)	4633
20.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ: Thuốc lá thuốc láo và đồ uống có cồn	4711
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Đồ uống có cồn	4723
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
38.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
40.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
41.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

42.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
43.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
44.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
45.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
46.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
47.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
49.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
50.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
51.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
52.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
53.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Loại trừ: Dịch vụ báo cáo Tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản	8299
55.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
56.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
57.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
58.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
59.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
60.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
61.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
62.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
63.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
64.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

75.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
76.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
77.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn pháp luật, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).	6820

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG HÀ MINH	Việt Nam	Phòng 101-G2 Tập thể Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	90,000	001185008590	
2	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Việt Nam	Phòng 101-G2 Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.000.000	10,000	001160020418	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: HOÀNG HÀ MINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185008590

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Phòng 101-G2 Tập thể Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 101-G2 Tập thể Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội